



MARKET LENS

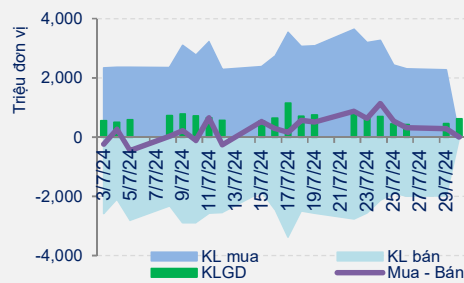
Phiên giao dịch ngày: 30/7/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

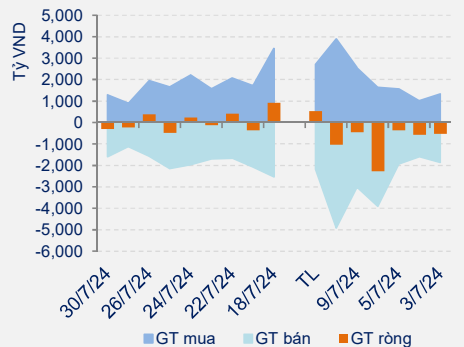
Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,245.06	235.87
% Thay đổi	↓ -0.12%	↓ -0.69%
KLGD (CP)	616,618,051	61,407,989
GTGD (tỷ đồng)	13,713.16	1,164.20
Tổng cung (CP)	-	95,685,700
Tổng cầu (CP)	-	77,798,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	57,199,929	2,580,184
KL mua (CP)	39,754,521	1,407,108
GT mua (tỷ đồng)	1,285.57	38.01
GT bán (tỷ đồng)	1,592.64	67.21
GT ròng (tỷ đồng)	(307.07)	(29.21)

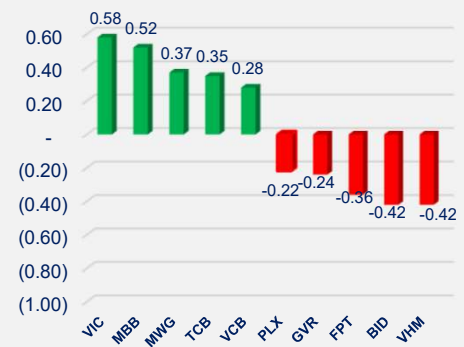
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Phiên giao dịch hôm nay diễn ra trong sự giằng co quyết liệt giữa bên mua và bán đặc biệt là trong phiên chiều, VN-INDEX chủ yếu giao dịch trong trạng thái giảm điểm (thấp nhất trong ngày là 1.236,97 điểm) dù có thời điểm tăng lên gần mốc kháng cự 1.250 điểm và đóng cửa giảm nhẹ -1,54 điểm (-0,12%) tại mốc 1.245,06 điểm. HNX-INDEX kết phiên tại mốc 235,87 điểm (-1,65 điểm, tương ứng -0,69%). Độ rộng thị trường nghiêng về bên bán với 210 cổ phiếu giảm giá, 106 cổ phiếu tăng giá, 50 cổ phiếu tham chiếu tại HOSE. HNX giao dịch với 102 cổ phiếu giảm giá, 57 cổ phiếu tham chiếu và 54 cổ phiếu tăng giá.

Thanh khoản trên cả 2 sàn có sự cải thiện so với phiên giao dịch trước đó khi khối lượng khớp lệnh +29,7% tại HOSE và +28,6% tại HNX. Khối ngoại phiên hôm nay tiếp tục bán ròng với -307,074 tỷ đồng tại HOSE tiếp tục tập trung tại mã VHM (-25,2 tỷ), bên cạnh đó là HVN (-40,6 tỷ), HAH (-36 tỷ) và PDR (-32 tỷ)...ở chiều ngược lại, mua ròng VNM (+124,5 tỷ), MSN (+66,9 tỷ)... Cùng với đó, bán ròng từ khối ngoại cũng diễn ra trên sàn HNX với -29,207 tỷ đồng, tập trung tại các mã MBS (-11,6 tỷ), SHS (-6,2 tỷ) và PVS (-5,9 tỷ), chiều mua ròng nổi bật với NTP (+4,2 tỷ), IDC (+3,9 tỷ), PVI (+2 tỷ)...

Điểm nhấn chú ý hôm nay là phát biểu của Thủ Tướng khi chủ trì Hội nghị quán triệt, triển khai thi hành một số luật, nghị quyết của Quốc hội khóa XV. Kết luận Thủ tướng cho biết, xây dựng và hoàn thiện thể chế là một trong 3 đột phá chiến lược, chủ trương lớn của Đảng; đầu tư cho thể chế là đầu tư cho phát triển. "Thể chế phải đi sớm, đi trước mở đường cho đột phá phát triển, phát huy tối đa tiềm năng, sức sáng tạo, đáp ứng tốt nhu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế", Thủ tướng nói.

Nhóm ngành tiêu cực nhất tác động cho sự giảm điểm của thị trường hôm nay là Dầu Khí với các mã BSR (-1,5%), PLX (-1,46%), PVS (-1,21%), PVD (-1,26%)... Nhóm cổ phiếu chứng khoán giao dịch trong sắc đỏ, tiêu biểu với VIX (-5,04%), MBS (-2,25%) cùng áp lực bán ròng 11,6 tỷ từ khối ngoại, VCI (-1,55%), FTS (-2,62%), BVS (-2,7%)... Nhóm Công Nghệ Thông Tin giảm điểm với FPT (-0,78%), CMG (-2,12%), ITD (-2,44%), ST8 (-0,92%)... nhóm cổ phiếu Bảo Hiểm kém tích cực với BVH (-0,81%), MIG (-1,49%), BLI (-0,64%)...

Bên cạnh đó, 2 cổ phiếu thuộc diện hủy niêm yết trên HOSE phiên hôm nay là HNG (-5,5%) và HBC giảm kịch biên độ (-7%),

Nhóm ngành Thực Phẩm và Đồ Uống có diễn biến phân hóa với VNM (+0,74%), MSN (+0,81%)... KDC tham chiếu (0%), tuy nhiên SAB (-0,18%), BAF (-0,53%), PAN (-1,08%) và đặc biệt là cổ phiếu DBC giảm kịch biên độ (-6,96%) với thông tin báo cáo doanh thu quý 2/2024 giảm 8% so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế -55% trong đó chi phí tài chính lại tăng lên +13%.

Ghi nhận trong phiên hôm nay, một số ngành khác chứng kiến nhiều mã tăng điểm như ngành Ngân Hàng với TCB (+0,88%), VPB (+0,82%), cổ phiếu MBB (+1,66%) cùng báo cáo lợi nhuận sau thuế +23,2% so với cùng kỳ... nhóm ngành Viễn Thông giao dịch trong sắc xanh với VGI (+3,71%), MFS (+4,42%)... Đa số cổ phiếu ngành Du Lịch và Giải Trí có một phiên giao dịch ấn tượng, cụ thể là HVN (+2,01%), SKG (+0,42%), VTR (+1,55%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2408 +4,6 điểm (+0,36%), đóng cửa tại 1.292,4 điểm. Chênh lệch +4,58 điểm so với VN30, các kỳ hạn xa hơn là VN30F2409 VN30F2412 VN30F2503 chênh lệch từ +3,68 điểm đến +5,18 điểm so với VN30, điều này cho thấy tâm lý nhà đầu tư đang tích cực tại các kỳ hạn trung và dài hạn. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch tăng mạnh +27,6% so với phiên trước, nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên. Xu hướng ngắn hạn của VN30F2408, tiếp tục vận động trong biên độ 1.280 - 1.320 điểm. Khối lượng mở OI hôm nay là 60.637 thấp hơn so với phiên gần nhất là 62.297 cho thấy xu hướng giảm bớt các vị thế nắm giữ.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


VN-INDEX sau 04 phiên phục hồi ngắn hạn đang chịu áp lực cơ cấu danh mục, bán giảm tỉ trọng khi VN-INDEX gặp vùng kháng cự quanh 1.250 điểm. Sau diễn biến thanh khoản giảm mạnh trong phiên sáng, VN-INDEX chịu áp lực rung lắc mạnh về vùng 1.235 điểm với khối lượng gia tăng mạnh mới hồi phục trở lại với động lực hỗ trợ của các cổ phiếu ngân hàng, VN30. Kết phiên VN-INDEX giảm 1,54 điểm (-0,12%) về mức 1.245,05 điểm với khối lượng giao dịch tăng mạnh 29,63% so với phiên trước. Thể hiện áp lực bán khá đột biến ở nhiều mã, nhất là các mã có kết quả kinh doanh không như kỳ vọng, trong khi số ít mã có kết quả kinh doanh tích cực vẫn có diễn biến tương đối tốt.

Ngắn hạn xu hướng của VN-INDEX vẫn kém tích cực khi không giữ được đường xu hướng hỗ trợ tăng trưởng ngắn trung hạn. VN-INDEX vẫn đang trong vùng giá 1.245 điểm - 1.255 điểm tương ứng vùng giá cao nhất năm 2023 và trong xu hướng vùng giá cao nhất năm 2023, cũng như đường xu hướng ngắn trung hạn nối các vùng giá thấp nhất tháng 11/2023, 04/2024 và 07/2024 kéo dài hiện nay. Trong trường hợp tích cực, VN-INDEX cần vượt lên vùng kháng cự quanh 1.255 điểm, giá cao nhất năm 2023 để cải thiện xu hướng ngắn và trung hạn.

Xu hướng trung hạn VN-INDEX tích lũy kém tích cực, tương đồng xu hướng ngắn hạn khi không giữ được đường xu hướng giá kéo dài từ tháng 11/2023 đến nay, cũng như vùng giá cân bằng 1.245 điểm - 1.255 điểm của kênh giá 1.180 điểm - 1.200 điểm đến 1.300 điểm - 1.320 điểm. Qua đó VN-INDEX chuyển sang tích lũy trong vùng 1.180 điểm - 1.200 điểm đến 1.245 điểm - 1.255 điểm, với 1.200 điểm là vùng giá cao nhất năm 2018, 1.245 điểm - 1.255 điểm là vùng giá cao nhất năm 2023. Nếu VN-INDEX có thể vượt lên lại kháng cự quanh 1.255 điểm thì vẫn kỳ vọng xu hướng trung hạn quay trở lại kênh tích lũy 1.250 điểm - 1.300 điểm.

Trong ngắn hạn, thị trường đang kết thúc tháng 7/2024, thời điểm cuối để các công ty công bố báo cáo tài chính quý II/2024, 06 tháng đầu năm 2024. Nhà đầu tư sẽ có cơ sở đánh giá cơ cấu danh mục theo triển vọng cuối năm của doanh nghiệp. Nhà đầu tư ngắn, trung hạn nên duy trì tỉ trọng hợp lý, mức trung bình. Xem xét cơ cấu giảm tỉ trọng các mã có kết quả kinh doanh quý II/2024 không như kỳ vọng, phạm mức dừng lỗ nếu có đối với các vị thế giải ngân ở vùng giá quanh 1.250 điểm, để cơ cấu sang các doanh nghiệp đầu ngành, cơ bản tốt, có kết quả kinh doanh tăng trưởng tốt, vượt kỳ vọng. Đối với chỉ số VN-INDEX nhà đầu tư nên kiên nhẫn chờ thoát khỏi xu hướng tích lũy ngắn trung hạn kéo dài hiện nay, trước khi có các quyết định mới.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 30/7/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
PLX	47.1	41-42	54-55	38	18.3	11.4%	73.2%	Theo dõi giải ngân
LHG	41.6	36.5-37	44-45	35	10.8	142.7%	178.7%	Theo dõi giải ngân
DPR	41.85	40.7-42.5	46-47	39	14.7	59.6%	153.1%	Theo dõi giải ngân
BWE	41.9	39-41	48-50	38	13.0	16.3%	27.3%	Theo dõi giải ngân
DRC	35	31-33	38-39	30	13.9	17.4%	52.2%	Theo dõi giải ngân
FPT	128	115-120	137-140	110	26.2	22.1%	24.2%	Theo dõi giải ngân
HDG	28.3	26.5-27.5	31-32	24	15.1	-11.3%	-26.9%	Theo dõi giải ngân
PVD	27.4	26-27	30-31	24	22.8	43.1%	139.9%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
17/6/2024	MBB	24.50	23	26.5-27.5	24	6.5%	Nắm giữ
17/6/2024	CLX	15.74	16.8	26-28	15.5	-6.3%	Nắm giữ
18/7/2024	DPM	35.45	35.2	40-41	33.5	0.7%	Nắm giữ
24/7/2024	POW	13.40	12.8	14.4-14.8	12.5	4.7%	Nắm giữ
24/7/2024	CNG	38.50	34.3	40-42	36.5	12.2%	Nắm giữ

TIN VÍ MÔ

Ngân hàng Nhà nước giảm nửa triệu đồng/lượng vàng miếng SJC

Ngày 30/7, Ngân hàng Nhà nước giảm giá vàng miếng bán cho 4 ngân hàng quốc doanh và Công ty Vàng bạc đá Quý Sài Gòn nửa triệu đồng/lượng, đưa giá bán về mốc 78 triệu đồng/lượng. Ngân hàng Nhà nước khẳng định tiếp tục thu hẹp khoảng cách giữa giá vàng trong nước với thế giới.

Theo quy định, 4 ngân hàng quốc doanh và Công ty Vàng bạc đá quý Sài Gòn được phép bán thấp hơn tối đa 1 triệu đồng so với giá của Ngân hàng Nhà nước. Cùng với việc Ngân hàng Nhà nước giảm giá bán, các đơn vị cũng đồng loạt giảm giá vàng miếng SJC về mức 77 - 79 triệu đồng/lượng. Chênh lệch mua bán giữ ở mức 2 triệu đồng/lượng.

Bãi bỏ một số thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý giá

Theo đó, sẽ bãi bỏ 3 thủ tục hành chính là đăng ký dự thi sát hạch đối với người có Chứng chỉ hành nghề thẩm định giá do tổ chức nước ngoài có thẩm quyền cấp được Bộ Tài chính thừa nhận; đăng ký dự thi cấp thẻ thẩm định giá lần đầu đối với công dân Việt Nam và bãi bỏ đăng ký dự thi cấp thẻ thẩm định giá các lần tiếp theo.

Bộ Tài chính cũng cho biết, một thủ tục hành chính mới ban hành là đăng ký dự thi cấp thẻ thẩm định viên về giá, thuộc lĩnh vực quản lý giá, do Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính) thực hiện.

Dự kiến tăng 6.300 tỷ đồng vốn đầu tư cho cao tốc Bắc - Nam giai đoạn 2

Dự kiến trong tháng 8/2024, Thủ tướng Chính phủ sẽ giao bổ sung 8.680 tỷ đồng từ nguồn tăng thu ngân sách Trung ương năm 2023.

Trong số đó, khoảng 6.300 tỷ đồng được bổ sung chủ yếu cho các dự án cao tốc Bắc - Nam giai đoạn 2 để tiếp tục triển khai.

Tính đến ngày 15/7/2024, Bộ Giao thông vận tải đã giải ngân khoảng 27.500 tỷ đồng, đạt 44% kế hoạch được giao.

Cụ thể, các dự án thuộc danh mục các công trình trọng điểm giải ngân 22.018 tỷ đồng, đạt 49% kế hoạch năm. Riêng cao tốc Bắc - Nam giai đoạn 1 giải ngân gần 2.700 tỷ đồng, đạt 40% kế hoạch. Cao tốc Bắc - Nam giai đoạn 2 giải ngân 16.765 tỷ đồng, đạt 55% kế hoạch.

Hà Nội: Quận Long Biên đón thêm dự án đô thị gần 140ha, trải dài 3 phường

UBND TP Hà Nội mới có quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 quận Long Biên. Trong đó có dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở mới Sông Hồng rộng rộng 138,6ha nằm trên địa bàn quận Long Biên.

Theo quyết định điều chỉnh, bổ sung danh mục Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 quận Long Biên là 13 dự án, với tổng diện tích 188,71ha.

Ngoài ra, các nội dung khác ghi tại Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 và Quyết định số 1996/QĐ-UBND ngày 15/4/2024 của UBND TP vẫn giữ nguyên hiệu lực.

TIN DOANH NGHIỆP

SHB lãi trước thuế 6.860 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm, CIR thấp nhất toàn ngành

Kết thúc 6 tháng đầu năm 2024, lợi nhuận trước thuế của SHB đạt hơn 6.860 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước, hoàn thành 61% kế hoạch năm. Đặc biệt ngân hàng tiếp tục giữ CIR thấp nhất ngành với chỉ 22,25%. Huy động vốn thị trường I của SHB đạt 500.177 tỷ đồng. Nhiều năm qua, SHB luôn nằm trong nhóm tăng trưởng huy động tốt, là điểm đến tin cậy của người dân, doanh nghiệp và khách hàng gửi tiết kiệm, thanh toán sử dụng các dịch vụ, giải pháp tài chính. Dư nợ tín dụng đạt 475.267 tỷ đồng, thuộc nhóm đầu các ngân hàng tư nhân cung ứng dòng vốn lớn ra thị trường.

SHB tiếp tục là ngân hàng có chỉ số chi phí trên thu nhập (CIR) thấp nhất hệ thống ở mức 22,25%, với đóng góp từ chuyển đổi số, tự động hóa quy trình vận hành.

DPM: Báo lãi 6 tháng tăng 37% và sắp cán đích cả năm

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (HoSE: DPM) công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý 2/2024 với doanh thu thuần tăng khả quan 6,4% so cùng kỳ khi đạt 3.947 tỷ đồng.

Lợi nhuận gộp ở mức 544,7 tỷ đồng, tăng mạnh 40%. Tương ứng tỷ suất lãi gộp biên đạt 13,7% khả quan hơn mức 10,4% của cùng kỳ. Sau khi trừ các loại chi phí, DPM lãi ròng 230,5 tỷ đồng, gấp 2,2 lần cùng kỳ.

Theo DPM, sở dĩ lợi nhuận kỳ này tăng khả quan do giá bán của mặt hàng Ure tăng so với cùng kỳ năm trước.

“Ông trùm” nhà thầu Coteccons thua kiện phải trả 22 tỷ đồng

Sau gần 1 năm Boho khởi kiện, Phán quyết trọng tài yêu cầu Coteccons trả nợ

Công ty cổ phần xây dựng Coteccons vừa công bố thông tin bất thường về quyết định của Tòa án. Theo đó, Coteccons phải thanh toán gần 22 tỉ đồng cho Công ty TNHH Boho Decor. Dẫn nguồn tin từ Tin tức, Boho Decor là công ty chuyên sản xuất, thiết kế và thi công nội thất nằm trong hệ sinh thái các doanh nghiệp ngành xây dựng của ông Nguyễn Bá Dương cùng với Newtecons, Ricons, SOL E&C, BM Windows... Công ty do ông Nguyễn Minh Hoàng - con trai ông Dương - làm giám đốc kiêm người đại diện pháp luật.

DBC: Lợi nhuận quý 2 giảm nửa, kỳ vọng tăng trưởng từ nền thấp quý 3 và 4

CTCP Tập đoàn Dabaco Việt Nam (mã DBC) đã công bố báo cáo tài chính quý 2/2024 với doanh thu thuần đạt 3.185 tỷ đồng, giảm 8% so với cùng kỳ năm trước. Chi phí giá vốn giảm ít hơn mức giảm doanh thu khiến lợi nhuận gộp co hẹp tới 35% xuống còn 431 tỷ đồng. Biên lãi gộp giảm còn 14% trong quý 2/2024.

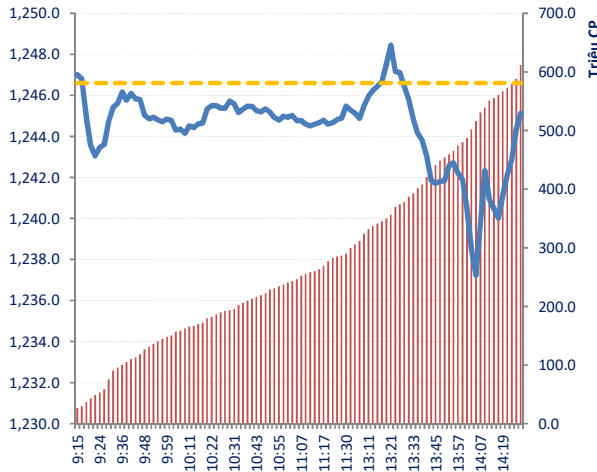
Ngoài ra, doanh thu tài chính sụt giảm 60%, đem lại khoảng 5 tỷ đồng. Trái lại, chi phí tài chính lại tăng 13% lên 80 tỷ đồng.

Trên thị trường chứng khoán, cổ phiếu DBC giao dịch ảm đạm sau khi bất ngờ công bố khoản lợi nhuận sụt giảm mạnh, DBC thậm chí "trượt chân" giảm kịch sàn về cuối phiên 30/7. Thị giá hiện đang giao dịch ở mức 26.050 đồng/cp.

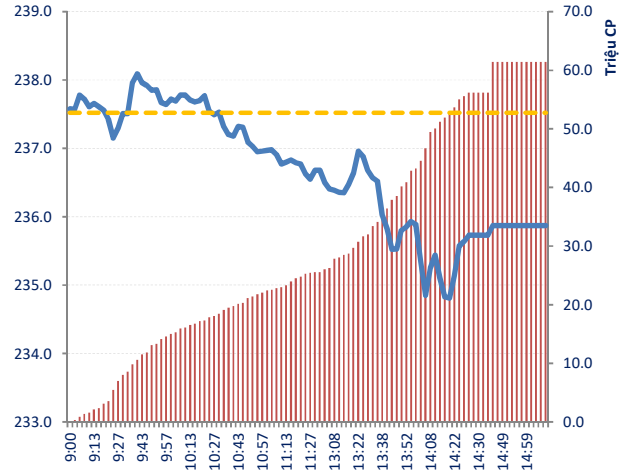


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

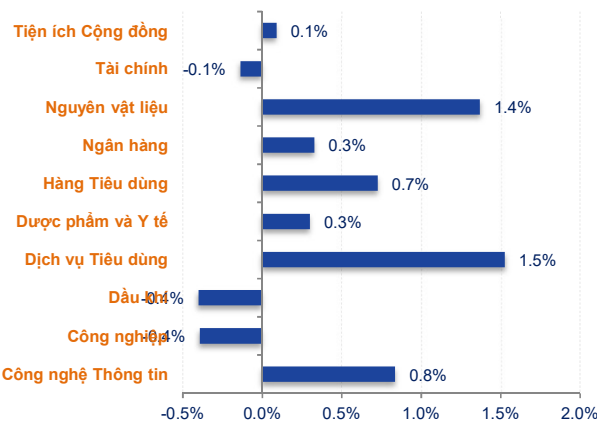
KLGD và VN-Index trong phiên



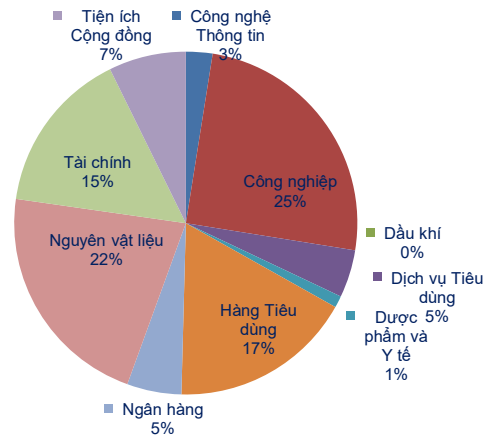
KLGD và HNX-Index trong phiên



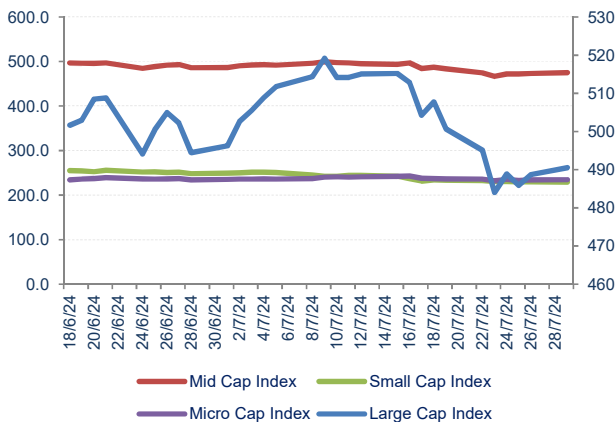
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



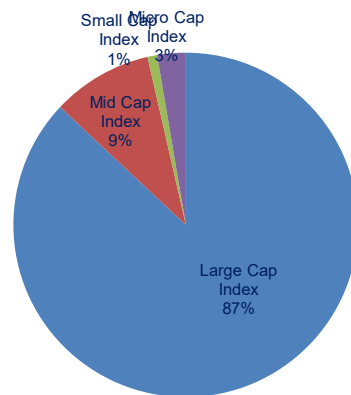
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VNM	1,835,500	POW	2,291,800
2	SHB	1,268,700	HVN	1,740,912
3	TCB	985,671	PDR	1,677,493
4	MSN	896,900	VPB	1,580,800
5	BCG	573,130	DXG	1,161,100

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	API	139,000	SHS	381,150
2	IDJ	101,300	MBS	379,000
3	APS	73,000	LAS	199,500
4	PLC	71,700	HUT	191,800
5	IDC	67,500	PVS	144,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	13.90	13.20	↓ -5.04%	41,249,300
HNG	4.34	4.10	↓ -5.53%	25,060,000
LDG	2.10	1.98	↓ -5.71%	25,003,500
MBB	24.10	24.50	↑ 1.66%	19,571,700
SHB	11.05	11.10	↑ 0.45%	19,092,411

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	16.70	16.40	↓ -1.80%	7,427,057
LIG	3.90	3.60	↓ -7.69%	4,252,642
VFS	16.00	16.00	⇒ 0.00%	3,752,851
CEO	15.40	15.10	↓ -1.95%	3,682,198
GKM	34.70	38.00	↑ 9.51%	3,609,500

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
APH	8.89	9.51	0.62	↑ 6.97%
CLW	46.00	49.20	3.20	↑ 6.96%
QCG	6.77	7.24	0.47	↑ 6.94%
SAM	6.51	6.96	0.45	↑ 6.91%
TYA	12.40	13.25	0.85	↑ 6.85%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KSV	36.00	39.60	3.60	↑ 10.00%
L40	21.40	23.50	2.10	↑ 9.81%
VCM	12.30	13.50	1.20	↑ 9.76%
GKM	34.70	38.00	3.30	↑ 9.51%
API	7.50	8.20	0.70	↑ 9.33%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CMX	10.30	9.58	-0.72	↓ -6.99%
DXV	5.00	4.65	-0.35	↓ -7.00%
DBC	28.00	26.05	-1.95	↓ -6.96%
HBC	6.75	6.28	-0.47	↓ -6.96%
DRH	2.68	2.50	-0.18	↓ -6.72%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SJ1	12.00	10.80	-1.20	↓ -10.00%
TMB	86.70	78.10	-8.60	↓ -9.92%
TXM	8.10	7.30	-0.80	↓ -9.88%
SGH	28.60	25.80	-2.80	↓ -9.79%
PTS	9.30	8.40	-0.90	↓ -9.68%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	41,249,300	7.6%	1,010	13.8	1.0
HNG	25,060,000	-37.6%	(888)	-	1.9
LDG	25,003,500	-14.8%	(1,676)	-	0.2
MBB	19,571,700	21.5%	3,852	6.3	1.2
SHB	19,092,411	15.6%	2,146	5.1	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	7,427,057	5.7%	688	24.3	1.2
LIG	4,252,642	0.5%	76	51.4	0.3
VFS	3,752,851	6.7%	861	18.6	1.3
CEO	3,682,198	2.8%	365	42.2	1.3
GKM	3,609,500	18.6%	2,143	16.2	3.2

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
APH	↑ 7.0%	1.4%	346	25.7	0.4
CLW	↑ 7.0%	19.4%	3,634	12.7	2.6
QCG	↑ 6.9%	0.3%	45	149.5	0.4
SAM	↑ 6.9%	0.7%	84	77.2	0.5
TYA	↑ 6.9%	8.0%	1,273	9.7	0.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KSV	↑ 10.0%	4.1%	591	60.9	2.4
L40	↑ 9.8%	3.5%	639	33.5	1.1
VCM	↑ 9.8%	4.4%	1,013	12.1	0.5
GKM	↑ 9.5%	18.6%	2,143	16.2	3.2
API	↑ 9.3%	-6.9%	(772)	-	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	1,835,500	26.0%	4,410	15.2	3.9
SHB	1,268,700	15.6%	2,146	5.1	0.8
TCB	985,671	16.0%	3,048	7.5	1.2
MSN	896,900	1.7%	488	151.6	2.3
BCG	573,130	0.5%	133	56.9	0.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
API	139,000	-6.9%	(772)	-	0.7
IDJ	101,300	5.0%	584	10.6	0.5
APS	73,000	0.0%	(3)	-	0.7
PLC	71,700	6.9%	1,112	23.4	1.6
IDC	67,500	31.7%	5,880	9.9	3.0

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	487,928	20.0%	5,838	15.0	2.8
BID	268,491	18.1%	3,841	12.3	2.1
FPT	188,398	23.2%	4,889	26.4	5.7
HPG	178,455	9.2%	1,455	19.2	1.5
GAS	176,849	16.4%	4,688	16.4	2.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	19,692	6.8%	1,931	21.3	1.4
IDC	19,305	31.7%	5,880	9.9	3.0
HUT	14,994	0.7%	97	172.7	1.3
THD	13,706	3.0%	450	79.1	3.2
MBS	13,611	14.4%	1,687	18.4	2.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PSH	2.99	-9.6%	(1,295)	-	0.5
HPX	2.63	3.4%	396	14.0	0.5
VOS	2.62	25.1%	3,140	5.7	1.2
TCD	2.52	1.7%	193	28.9	0.4
EVF	2.50	5.5%	676	19.4	1.1

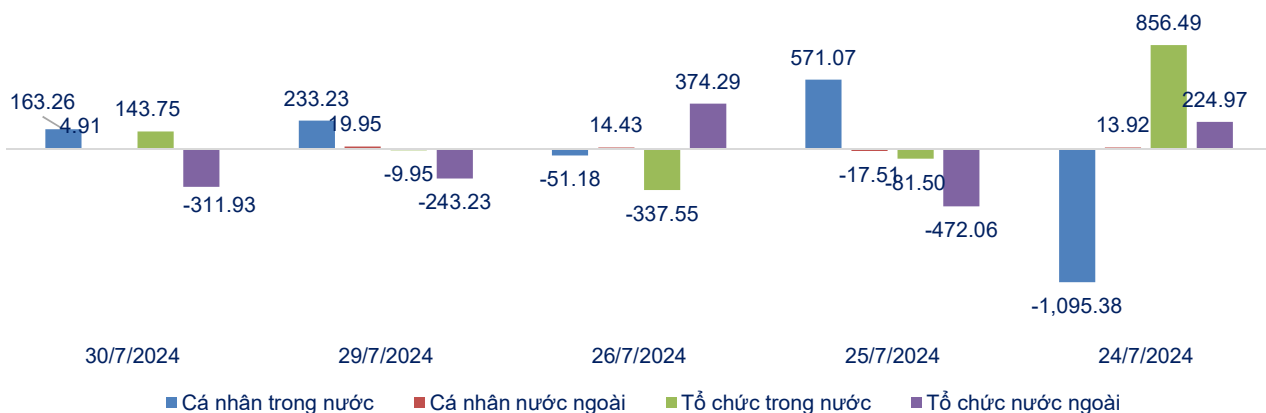
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HMR	3.28	8.7%	1,149	20.0	1.8
IDJ	3.26	5.0%	584	10.6	0.5
API	3.07	-6.9%	(772)	-	0.7
PVB	2.68	9.0%	1,567	18.4	1.6
VC7	2.60	5.5%	643	14.8	0.9



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NGĐT

Giá trị ròng theo loại hình NGĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	51.58	9.2%	1,455	19.2	1.5
HVN	45.86	0.0%	(642)	-	-
VPB	35.29	8.9%	1,525	12.1	1.0
DXG	33.73	1.2%	272	51.2	0.6
PDR	32.25	5.0%	677	28.9	1.6

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-117.10	26.0%	4,410	15.2	3.9
MSN	-81.23	1.7%	488	151.6	2.3
SHB	-38.88	15.6%	2,146	5.1	0.8
TCB	-35.71	16.0%	3,048	7.5	1.2
MWG	-29.42	4.4%	717	86.5	3.5

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	3.18	26.0%	4,410	15.2	3.9
RAL	2.69	20.7%	26,472	5.7	1.1
GEX	2.21	2.5%	625	36.1	0.9
FPT	2.18	23.2%	4,889	26.4	5.7
VRE	1.96	11.7%	1,975	9.6	1.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCB	-3.99	16.0%	3,048	7.5	1.2
SSI	-1.66	12.0%	1,892	17.0	2.0
MSN	-1.40	1.7%	488	151.6	2.3
AAA	-1.19	6.0%	967	12.1	0.7
HPG	-1.00	9.2%	1,455	19.2	1.5

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	27.32	2.5%	625	36.1	0.9
SHB	24.79	15.6%	2,146	5.1	0.8
CTG	24.13	16.2%	3,751	8.6	1.3
PVT	22.51	11.0%	2,802	10.2	1.1
HDB	20.63	24.7%	3,826	6.6	1.5

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-30.81	9.2%	1,455	19.2	1.5
NAB	-24.57	19.0%	2,125	6.9	1.0
FPT	-22.57	23.2%	4,889	26.4	5.7
DXG	-17.69	1.2%	272	51.2	0.6
VJC	-17.54	4.9%	1,404	75.6	3.6

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	121.05	26.0%	4,410	15.2	3.9
MSN	68.29	1.7%	488	151.6	2.3
MWG	29.72	4.4%	717	86.5	3.5
TCB	26.40	16.0%	3,048	7.5	1.2
BCM	22.77	13.3%	2,384	30.7	3.9

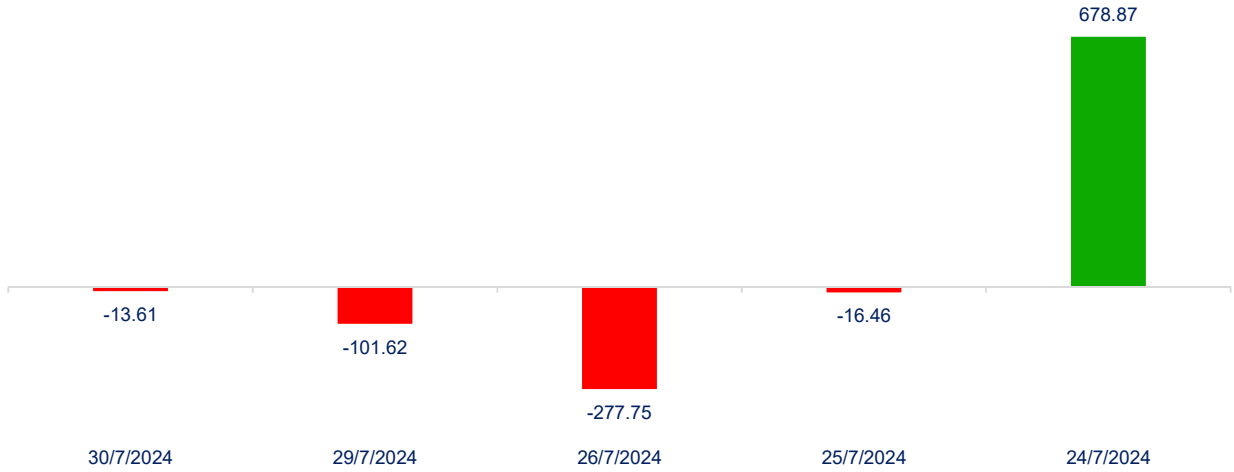
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HVN	-40.77	0.0%	(642)	-	-
HAH	-35.78	10.3%	2,601	16.7	1.4
PDR	-31.83	5.0%	677	28.9	1.6
POW	-31.24	2.4%	350	38.9	0.9
VPB	-29.32	8.9%	1,525	12.1	1.0

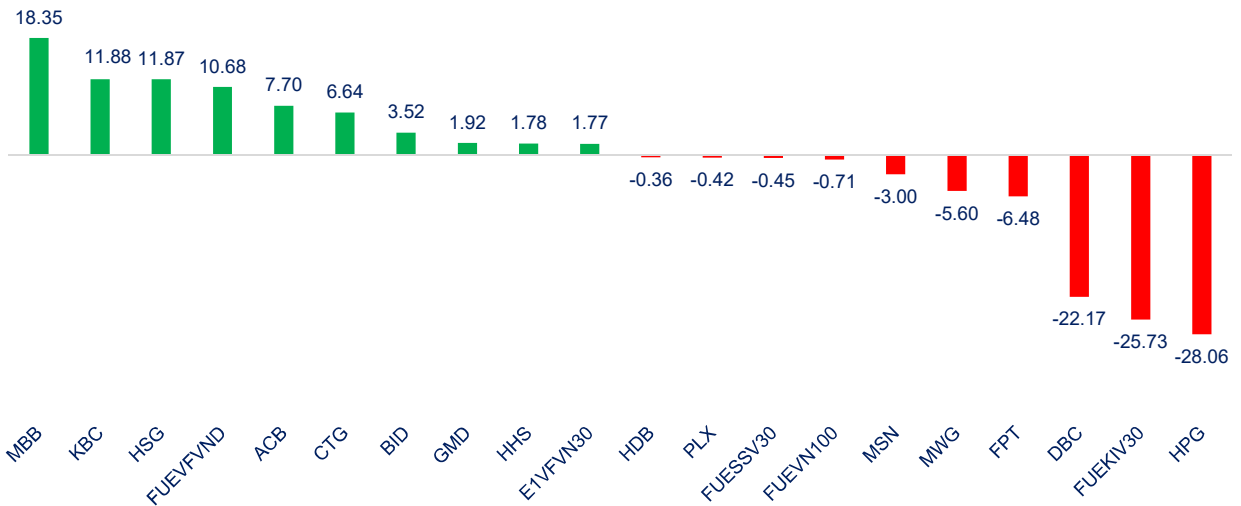


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Vũ Tuấn Duy
duy.vt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
